

Bản án số: **174 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày 15/9/2021

V/v: Yêu cầu không công nhận  
vợ chồng, giao nuôi con chung giữa chị  
Quan Thị P và anh Quốc Văn T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Luân.
2. Ông Hoàng Văn Bốn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/8/2021 và ngày 15/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc Yêu cầu không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quan Thị P, sinh năm 1971.

- *Bị đơn:* Anh Quốc Văn T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn Bản B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Quan Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quốc Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993. Khi cùng chung sống có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên, do không hiểu biết về pháp luật nên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung của chị và anh T hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, hiện nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn không hòa giải được.

Do chị và anh T không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Quốc Văn T có 03 con chung tên là Quốc Thị H, sinh ngày 09/9/1993; Quốc Thị Ph, sinh ngày 28/9/1994; Quốc Trần H1, sinh ngày 05/01/2011. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quốc Trần H1. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Hậu và cháu Phương đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản, đất đai chung: Chị P xác định phần tài sản, đất đai chung chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ vay nợ chung: Chị P xác định chị và anh T không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Quốc Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh T là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn Bản B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị P và anh T ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Hiện nay, anh T không có mặt ở địa phương, đi làm ăn xa, thì thoảng về thăm nhà, rồi đi ngay. Các văn bản của Tòa án tổng đạt hợp lệ, anh T đều biết nhưng không thấy về để giải quyết; sau khi xác minh tại Phòng Tư pháp-Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đều thể hiện chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của bị đơn chưa đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T; giao cháu Quốc Trần H1, sinh ngày 05/01/2011 cho chị Quan Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quốc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Quan Thị P phải chịu án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T chung sống với nhau từ năm 1993, tuy có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, như vậy là không đúng với quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Theo cung cấp của thôn Bản B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thì anh Quốc Văn T có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, tại thôn Bản B, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau

khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ cho anh Quốc Văn T, anh T đã biết được Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn của chị P và anh T chủ yếu là bất đồng quan điểm sống do kinh tế gia đình khó khăn, không tôn trọng nhau, từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay, chị P xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, cần tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T là phù hợp với thực tế quan hệ vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T có 03 con chung tên là Quốc Thị H, sinh ngày 09/9/1993; Quốc Thị Ph, sinh ngày 28/9/1994; Quốc Trần H1, sinh ngày 05/01/2011. Qua biên bản lấy lời khai cháu H1 có ý kiến muốn ở với mẹ, đồng thời xét nguyện vọng của chị P và căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, chị P đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần tuyên xử cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quốc Trần H1. Anh Quốc Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Quốc Văn T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ý kiến của anh T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị Quan Thị P không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, ý kiến của chị P không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về cháu Quốc Thị H, sinh ngày 09/9/1993; Quốc Thị Ph, sinh ngày 28/9/1994 đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng, chị P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Quan Thị P xác định tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; vay nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Quan Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quan Thị P và anh Quốc Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quốc Trần H1, sinh ngày 05/01/2011 cho chị Quan Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Quốc Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**3. Về án phí:** Chị Quan Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002379 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Quan Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Quốc Văn T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Công Ánh**